

Số: /QĐ-UBND

Phước An, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN PHƯỚC AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO thị trấn Phước An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước An phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Ban Chỉ đạo ISO, các bộ phận chuyên môn, các cán bộ, công chức thuộc UBND thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở KHCN (báo cáo)
- Như Điều 3;
- UBND huyện; (để báo cáo)
- Phòng KT-HT huyện; (để biết)
- Lưu: VP, BCĐ ISO.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Hữu Đức

PHỤ LỤC

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND THỊ TRẤN PHƯỚC AN ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH 2741 QĐ – UBND, NGÀY 22/12/2023 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK

(Ban hành kèm theo Quyết định số / QĐ-UBND ngày 27 /12 /2024
của UBND thị trấn Phước An)

I. LĨNH VỰC TƯ PHÁP			
A: HỘ TỊCH			
1.	Đăng ký khai sinh	QT.TPHT.01	
2.	Đăng ký kết hôn	QT.TPHT.02	
3.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.TPHT.03	
4.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.TPHT.04	
5.	Đăng ký khai tử	QT.TPHT.05	
6.	Đăng ký khai sinh lưu động	QT.TPHT.06	
7.	Đăng ký kết hôn lưu động	QT.TPHT.07	
8.	Đăng ký khai tử lưu động	QT.TPHT.08	
9.	Đăng ký Khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.TPHT.09	
10.	Đăng ký Kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.TPHT.10	
11.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.TPHT.11	
12.	Đăng ký Khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.TPHT.12	
13.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT.TPHT.13	
14.	Đăng ký giám hộ	QT.TPHT.14	
15.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.TPHT.15	
16.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.TPHT.16	
17.	Đăng ký lại khai sinh	QT.TPHT.17	
18.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TPHT.18	

19.	Đăng ký lại kết hôn	QT.TPHT.19	
20.	Đăng ký lại khai tử	QT.TPHT.20	
21.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.TPHT.21	
22.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.TPHT.22	
23.	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	QT.TPHT.23	
24.	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và mai táng phí)	QT.TPHT.24	
B. NUÔI CON NUÔI			
25.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.01	
26.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT. NCN.02	
27.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT. NCN.03	
C. CHỨNG THỰC			
28.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TPCT.01	
29.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.TPCT.02	
30.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.TPCT.03	
31.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.TPCT.04	
32.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TPCT.05	
33.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TPCT.06	
34.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT.TPCT.07	
35.	Chứng thực di chúc	QT.TPCT.08	

36.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.TPCT.09	
37.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.TPCT.10	
38.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.TPCT.11	
A. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT			
39.	Công nhận hòa giải viên	QT.PBGD.01	
40.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT.PBGD.02	
41.	Thôi làm hòa giải viên	QT.PBGD.03	
42.	Thanh toán thù lao hòa giải viên	QT.PBGD.04	
43.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT.PBGD.05	
44.	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QT.PBGD.06	
B. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC			
45.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.BTNN.01	
II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
46.	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai	QT.TNMT.01	
III. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI			
A. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
47.	Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng trợ cấp xã hội hàng tháng	QT.BTXH.01	
48.	Thủ tục thực hiện xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và Cấp giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.02	
49.	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.03	
50.	Thủ tục trợ giúp đột xuất hỗ trợ lương thực	QT.BTXH.04	
51.	Thủ tục trợ giúp đột xuất hỗ trợ người bị thương nặng	QT.BTXH.05	
52.	Thủ tục trợ giúp đột xuất hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng trợ cấp đột xuất	QT.BTXH.06	
53.	Thủ tục trợ giúp đột xuất hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT.BTXH.07	
54.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT.BTXH.08	

55.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát hộ cận nghèo trong năm	QT.BTXH.09	
56.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT.BTXH.10	
B. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
57.	Thủ tục giải quyết trợ cấp hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công giúp đỡ cách mạng	QT.NCC.01	
58.	Thủ tục giải quyết trợ cấp tuất hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng từ trần	QT.NCC.02	
59.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp tuất liệt sĩ	QT.NCC.03	
60.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, hàng tháng đối với bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT.NCC.04	
61.	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT.NCC.05	
62.	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT.NCC.06	
63.	Thủ tục cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công	QT.NCC.07	
64.	Thủ tục mua bảo hiểm y tế	QT.NCC.08	
65.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.NCC.09	
66.	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí và trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công với cách mạng từ trần	QT.NCC.10	
67.	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày	QT.NCC.11	
68.	Thủ tục giải quyết trợ cấp hàng tháng đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.12	
69.	Thủ tục giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.13	
70.	Thủ tục cấp thẻ khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.NCC.14	

IV. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			
71.	Thủ tục hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND xã thực hiện)	QT.NNPTNT.01	
72.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT.NNPTNT.02	
V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO			
73.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT.GDĐT.01	
74.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.GDĐT.02	
75.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDĐT.03	
76.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.GDĐT.04	
77.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	QT.GDĐT.05	
VI. LĨNH VỰC KHIẾU NẠI TỔ CÁO			
78.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.KNTC.01	
79.	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.KNTC.02	
VII. LĨNH VỰC NỘI VỤ			
TÔN GIÁO			
80.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT.TNTG.01	
81.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT.TNTG.02	
82.	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.TNTG.03	
83.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hạt động tôn giáo ở một xã	QT.TNTG.04	
84.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.TNTG.05	
85.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.TNTG.06	
86.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn	QT.TNTG.07	

	giáo tập trung trong địa bàn một xã		
87.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT. TNTG.08	
88.	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.TNTG.09	
89.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.TNTG.10	
VIII. THI ĐUA KHEN THƯỞNG			
90.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.TĐKT.01	
91.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT.TĐKT.02	
92.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT.TĐKT.03	
93.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QT.TĐKT.04	
94.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT.TĐKT.05	
IX. LĨNH VỰC VĂN HÓA			
95.	Thủ tục Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	QT.VH.01	
96.	Thủ tục Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.VH.02	
97.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	QT.VH.03	
98.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	QT.VH.04	
99.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	QT.VH.05	
X. LĨNH VỰC DÂN TỘC			
100.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.DT.01	
101.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.DT.02	
XI. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI			
102.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.GTVT.01	
103.	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.GTVT.02	

104.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.GTVT.03	
105.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.GTVT.04	
106.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.GTVT.05	
107.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	QT.GTVT.06	
108.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	QT.GTVT.07	
109.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.GTVT.08	
110.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.GTVT.09	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN PHƯỚC AN

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng

tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước An

phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

đối với các lĩnh vực hoạt động thuộc thẩm quyền của UBND

(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Phước An, ngày 05 tháng 02 năm 2022

CHỦ TỊCH

Huỳnh Hữu Đức